TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 25-8- 2020.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Phạm Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Hương – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hải N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hải N đăng ký kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 04/11/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh N không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục đượ c, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng

01/2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau . Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Minh C, sinh ngày 02/11/2012. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N thừa nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị H trình bày. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh thừa nhận anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày. Anh nhất trí để chị H trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Hải N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Minh C, sinh ngày 02/11/2012 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, anh Nguyễn Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về ly hôn và tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Nguyễn Hải N có hộ khẩu thường trú tại tổ 9, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Hải N đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Hải N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh N đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau , tình cảm vợ chồng đã hết. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hòa, cho chị H được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Chị H và anh N thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh C, sinh ngày 02/11/2012, khi ly hôn giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị này của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chia tài sản : Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí DSST; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Hải N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trần Minh C, sinh ngày 02/11/2012 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh Nguyễn Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006511 ngày 03/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Hải N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND xã V, huyện T, Phú Thọ;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải